

Bản án số: 160/2021/DS-PT

Ngày: 27 - 9 - 2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phụng.

Các Thẩm phán: Ông Y Phi Kbuôn

Bà Đinh Thị Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2021/TLPT- DS ngày 18 tháng 5 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DSST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M’Đrăk bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 104/2021/QĐPT-DS ngày 06 tháng 7 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 97/2021/QĐ-PT ngày 22/7/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị Hồng H; vắng mặt

Địa chỉ: Thôn X, xã KJ, huyện R, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức D; có mặt

Địa chỉ: LTT, phường TL, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

2. *Bị đơn:*

2.1. Bà H’M Byă; có đơn xin xét xử vắng mặt

2.2. Ông Y K Niê; vắng mặt

Cùng địa chỉ: Buôn Z, xã KJ, huyện R, tỉnh Đắk Lắk;

2.3. Bà H’M1 Niê; có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Buôn T, xã KJ, huyện R, tỉnh Đắk Lắk.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Bà L Byă; có đơn xin xét xử vắng mặt

Địa chỉ: Buôn W, xã CM, huyện R, tỉnh Đắk Lắk;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà H' M Byă, bà H' M1 Niê, bà L Byă: Ông Nguyễn Tiến T1 – Luật sư Văn phòng luật sư Bách Khoa đoàn luật sư tỉnh Đắk Lắk; có mặt

Địa chỉ: NTT, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

4. *Người kháng cáo:* Bà Võ Thị Hồng H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên toà, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Đức D trình bày:**

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 23/02/2018 bà Võ Thị Hồng H cho bà H'M Byă, ông Y K Niê và bà H'M1 Niê vay số tiền 400.000.000d (Bốn trăm triệu đồng) và hẹn đến ngày 30/02/2018 sẽ trả tiền gốc và tiền lãi. Hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Mục đích vay: Để đáo hạn ngân hàng. Ngày 12/3/2018, bà H'M Byă trả được 20.000.000 đồng. Ngày 23/01/2020, bà L Byă trả thay cho bà H' M Byă, bà H'M1 Niê 130.000.000 đồng. Quá thời hạn trả nợ, bà Võ Thị Hồng H đã nhiều lần yêu cầu nhưng bà H' M Byă, ông Y K Niê và bà H'M1 Niê chưa trả thêm cho bà Võ Thị Hồng H số tiền vay gốc và tiền lãi. Vì vậy, bà Võ Thị Hồng H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H' M Byă, ông Y K Niê và bà H'M1 Niê phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc 250.0000.000 đồng và lãi suất 10%/năm kể từ ngày 24/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị Hồng H làm đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với ông Y K Niê theo giấy vay tiền đề ngày 23/01/2018. Không yêu cầu ông Y K Niê phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà H' M Byă và bà H'M1 Niê trả số tiền vay gốc 250.000.000 đồng.

*** Quá trình tố tụng, bị đơn bà H'M Byă trình bày:**

Tôi với ông Y K Niê có mối quan hệ là vợ chồng. Đối với bà H'M1 Niê, bà L Byă và bà Võ Thị Hồng H không có mối quan hệ gì. Ngày 23/02/2018, tôi với bà Võ Thị Hồng H có thỏa thuận xác lập một hợp đồng vay với số tiền 400.000.000 đồng. Để làm tin tôi đã đưa cho bà Võ Thị Hồng H một cuốn sổ hộ khẩu gia đình và một bằng tốt nghiệp trung cấp của tôi. Tôi đã nhận đầy đủ số tiền trên và sau đó tôi đã đưa số tiền 400.000.000 đồng cho bà L Byă. Chữ ký và chữ viết tại mục người vay tiền là do tôi tự nguyện ký và viết ra. Tôi vay tiền của bà Võ Thị Hồng H không liên quan gì đến ông Y K Niê và bà H'M1 Niê. Chữ ký và chữ viết của ông Y K Niê do tôi tự ký và viết ra. Bà H'M1 Niê ký vào mục người vay tiền với tư cách là người làm chứng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 12/3/2018, tôi đã trả cho bà Võ Thị Hồng H 20.000.000 đồng. Ngày 23/01/2020, bà L Byă đã trả cho bà Võ Thị Hồng H số tiền 130.000.000 đồng. Hiện nay bà Võ Thị Hồng H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc tôi và bà H'M1 Niê phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay gốc 250.0000.000 đồng, tôi không đồng ý vì sau khi xác lập hợp đồng vay và nhận tiền của bà H, tôi đã đưa số

tiền 400.000.000 đồng cho bà L Byă nên bà L Byă phải có nghĩa vụ trả số tiền cho bà Võ Thị Hồng H. Tôi không vay tiền của bà H. Tôi đề nghị Tòa án buộc bà Võ Thị Hồng H phải có trách nhiệm trả lại cho tôi một cuốn sổ hộ khẩu gia đình và một bằng tốt nghiệp trung cấp của tôi. Vì lý do công việc nên tôi từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tôi.

**** Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà H'M1 Niê trình bày:***

Bà H'M1 Niê và bà Võ Thị Hồng H có quen biết nhau nên ngày 23/02/2018, bà H'M Byă có nhờ bà H'M1 Niê đưa đến gặp bà Võ Thị Hồng H để xác lập một hợp đồng vay với số tiền 400.000.000 đồng. Lãi suất hai bên tự thỏa thuận. Chữ ký, chữ viết bên mục người vay: “Vợ” và “Chồng” là đều do bà H'M Byă ký và viết ra. Chữ ký và chữ viết cuối trang (bên phải) bên mục người vay là do bà H'M1 Niê ký và viết ra với tư cách là người làm chứng nên không có thông tin của bà H'M1 Niê ở nội dung của giấy vay tiền ngày 23/02/2018. Bà H'M Byă vay số tiền 400.000.000 đồng của bà Võ Thị Hồng H và sau đó đưa lại cho bà L Byă. Bà H'M1 Niê không xác lập hợp đồng vay và không nhận tiền của bà Võ Thị Hồng H nên không có nghĩa vụ liên đới cùng bà H'M Byă trả tiền cho bà Võ Thị Hồng H. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Quá trình tố tụng, bị đơn ông Y K Niê trình bày:***

Tôi với bà H'M Byă có mối quan hệ là vợ chồng, bà H'M1 Niê là em tôi. Tôi với bà H, bà L Byă không có mối quan hệ gì. Bà Võ Thị Hồng H làm đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết buộc tôi và bà H'M Byă, bà H'M1 Niê phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền 250.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi phát sinh. Tôi có ý kiến như sau: Chữ ký và chữ viết tại giấy vay tiền đề ngày 23/02/2018 không phải do tôi ký và viết ra. Việc bà H'M Byă vay tiền của bà H tôi không biết và không liên quan. Bà H'M Byă vay tiền bà H không sử dụng vào mục đích chung của gia đình. Vì lý do công việc nên tôi từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tôi.

**** Quá trình tố tụng, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà L Byă trình bày:***

Tôi với bà H'M1 Niê, bà H'M Byă có mối quan hệ là bạn, vào đầu tháng 02 năm 2018, do công việc gia đình nên tôi có hỏi bà Võ Thị Hồng H để vay tiền. Tuy nhiên, tôi không có tài sản nên bà H không đồng ý làm hợp đồng vay với tôi mà phải thông qua người thứ ba. Ngày 23/02/2018, tôi có nhờ bà H'M Byă ký hợp đồng vay tiền với bà H và hẹn đến ngày 30/02/2018 sẽ trả nợ. Số tiền tôi nhờ bà H'M Byă vay giùm của bà H là 400.000.000 đồng. Bà H'M1 Niê ký với tư cách là người làm chứng. Chữ ký và chữ viết của bà H'M Byă và ông Y K Niê do bà H'M Byă tự ký và viết ra. ông Y K Niê không biết và không liên quan. Quá trình vay, tôi và bà H'M Byă đã trả cho bà H số tiền 130.000.000 đồng. Bà Võ Thị Hồng H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà H'M Byă và bà H'M1 Niê phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền vay gốc 250.000.000 đồng, tôi không đồng ý vì tôi là người trực tiếp vay tiền của bà H nên tôi nhận trách nhiệm trả tiền cho bà H và tiền lãi theo quy định của pháp luật. Hiện nay do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên tôi xin được trả dần. Vì lý do công việc nên tôi từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt tôi.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2021/DSST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện M'Đrăk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 220, Điều 203, Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, Điều 357, khoản 1 Điều 370. Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H. Buộc bị đơn bà H'M Byă phải trả cho bà Võ Thị Hồng H tổng số tiền 270.547.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Trong đó vay gốc: 250.000.000 đồng và tiền lãi 20.547.000 đồng.

Kể từ ngày 31/3/2021 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong bản án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền, lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng H đối với yêu cầu bà H'M1 Niê phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Võ Thị Hồng H số tiền 250.000.000 đồng.

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu ông Y K Niê phải có trách nhiệm liên đới trả số tiền 250.000.000 đồng.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/4/2021, nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H kháng cáo một phần Bản án sơ thẩm số 05/2021/DS-ST ngày 30/3/2021 của Toà án nhân dân huyện M'Đrăk, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc bà H'M1 Niê và bà H'M Byă phải liên đới trả cho bà H số tiền 250.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và nội dung đơn kháng cáo.

Tại phân tranh luận đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Tại giấy vay tiền bà H'M1 ký với tư cách người vay tiền, do đó bà H' M1 ký sau chữ ký của bà H' M ở mục người vay. Tại bản tự khai của bà H' M đề ngày 22/10/2020, bà H' M khai: Vào ngày 23/02/2018 tôi H'M Byă, H' M1 Niê và Y K Niê có vay của bà Võ Thị Hồng H 400.000.000 đồng, để vay giúp cho bà L Byă. Tại bản tự khai đề ngày 02/11/2020 bà L Byă khai: Vào ngày 23/2/2018 tôi có nhờ bà H' M1 Niê và H' M, Y K Niê vay giúp số tiền 400.000.000 đồng. Khi trả cho bà H 130.000.000 đồng bà L Byă viết: Hôm nay ngày 23/01/2020 tôi là L Byă đã thay cho H' M1 Niê và H' M Byă trả cho chị Võ Thị Hồng H số tiền là 130.000.000 đồng. Ngoài ra bà L Byă còn xuất trình bản phô tô giấy xác nhận công nợ đề ngày 30/4/2019 ghi nội dung, tổng số tiền tôi nhận nợ của chị H là 360.000.000 đồng. Số tiền trên tôi nhận nợ của H'M1

Niê và H'M Byă 360.000.000 đồng đã ký vay với chị H. Như vậy có thể thấy số tiền trên bà H' M1 và bà H'M cùng đứng vay hộ bà L Byă. Song cấp sơ thẩm không đối chất làm rõ mà tuyên bà H' M trả số nợ trên cho bà H là không có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bà H, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc bà H' M1 và bà H' M liên đới trả cho bà H số nợ 250.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

Tại phần tranh luận người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H' M Byă, bà H'M1 Niê và bà L Byă trình bày: Bà H kháng cáo cho rằng bà H' M1 phải liên đới cùng bà H' M trả nợ cho bà H là không có căn cứ, bởi lẽ bà H' M1 chỉ ký giấy vay với tư cách là người làm chứng, do đó, trên thông tin vay tiền chỉ thể hiện người vay là bà H' M và ông Y K, không có thông tin của bà H' M1. Vì vậy, chỉ có bà H' M thể chấp các giấy tờ khi vay. Số tiền này bà H' M vay giúp bà L, do đó bà L và bà H' M đã thanh toán nợ cho bà H. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa Đại diện VKSND tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Tại hợp đồng vay tiền ngày 23/02/2018 (*bút lục 23*) phía trên mục người vay là ông Y K Niê và bà H'M Byă, không thể hiện nội dung thông tin người vay có bà H'M1 Niê. Bà H'M1 khai rằng bà chỉ ký với tư cách là người làm chứng chứ không phải người vay, còn bà H'M thừa nhận bà là người vay số tiền 400.000.000đ và nhận số tiền 400.000.000đ từ bà H. Phía nguyên đơn bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh bà H'M1 và bà H'M cùng giao kết hợp đồng vay nên Tòa sơ thẩm tuyên buộc bà H'M phải có trách nhiệm trả số tiền vay 400.000.000đ cho bà H là có căn cứ, kháng cáo yêu cầu Tòa án buộc bà H'M1 và bà H'M cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà H là không có căn cứ.

Về lãi suất: Bà H yêu cầu tính lãi suất 10%/năm từ ngày 24/01/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm tức là 14 tháng 06 ngày, Tòa sơ thẩm tính 300 ngày là không đúng, cụ thể: $250.000.000đ \times 10\%/năm \times 14 \text{ tháng } 6 \text{ ngày} = 29.583.000đ$ (làm tròn số), bà H không kháng cáo nên cần giữ nguyên án sơ thẩm về phần lãi suất, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Về tài sản tín chấp: Bà H'M yêu cầu nguyên đơn trả lại giấy tờ thế chấp cho bà gồm 01 sổ hộ khẩu và 01 bằng tốt nghiệp, nhưng bản án sơ thẩm không tuyên ảnh hưởng đến quyền lợi của bà H'M. Do đó, cần sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm, tuyên buộc bà H phải trả cho bà H'M 01 sổ hộ khẩu và bằng tốt nghiệp trung cấp sau khi bà H'M thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ. Đối với nội dung kháng cáo của bà H không có căn cứ để chấp nhận.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Võ Thị Hồng H. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DSST ngày 30/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrăk, tỉnh Đắk Lắk về việc xử lý tài sản tín chấp.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H trong hạn luật định và bà H đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, nên vụ án được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bà H' M Byă, bà H'M1 Niê, bà L Byă có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử hội ý và quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị Tòa án triệu tập bà Nguyễn Thị F; địa chỉ: Thôn X, xã KJ, huyện R, tỉnh Đắk Lắk đến tham gia tố tụng với tư cách người làm chứng. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà Nguyễn Thị F đến Tòa án tham gia tố tụng theo yêu cầu của nguyên đơn. Song, bà F vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy, Tòa án không tiến hành được các thủ tục tố tụng đối với bà F theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Xét kháng cáo của bà Võ Thị Hồng H Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ngày 23/02/2018 bà H'M Byă đã ký vay của bà Võ Thị Hồng H số tiền 400.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận ngày 30/02/2018 bà H' M Byă sẽ trả cho bà H cả nợ gốc và nợ lãi, nhưng không ghi rõ mức lãi suất cụ thể. Theo bà H' M trình bày mục đích vay số tiền trên của bà H là vay giúp cho bà L Byă. Vì vậy, sau khi nhận tiền từ bà H, bà H' M đã giao toàn bộ số tiền trên cho bà L Byă. Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ngày 23/01/2020 bà L Byă đã trả cho bà H 130.000.000 đồng, bà H' M trả cho bà H 20.000.000 đồng, tổng cộng bà H' M và bà L Byă đã thanh toán cho bà H 150.000.000 đồng. Hiện nay, bà H' M còn nợ bà H 250.000.000 đồng và lãi suất.

Khi thực hiện hợp đồng vay, bà H' M1 có đi cùng bà H' M đến nhà bà H. Bà H' M1 có ký vào giấy vay tiền tại vị trí sau chữ ký của bà H' M. Do đó, bà H cho rằng bà H' M1 cùng bà H' M vay của bà H số tiền trên. Vì vậy, khi bà H' M vi phạm nghĩa vụ trả nợ, bà H khởi kiện yêu cầu bà H' M, bà H' M1 liên đới trả cho bà toàn bộ số nợ 250.000.000 đồng và lãi suất. Ngoài căn cứ trên thì bà H không đưa ra được chứng cứ nào khác để xác định bà H' M1 và bà H' M cùng vay bà H số tiền 400.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bà L Byă thừa nhận bà đã nhờ bà H' M vay giúp bà 400.000.000 đồng từ bà H và bà đã nhận 400.000.000 đồng từ bà H' M, nay bà xin

chịu trách nhiệm trả cho bà H số nợ còn lại là 250.000.000 đồng, nhưng không được bà H đồng ý.

Tại hợp đồng vay tiền đề ngày 23/02/2018 do nguyên đơn cung cấp (Bút lục số 23) thể hiện nội dung người vay tiền là bà H' M Byă và ở phần người chồng có chữ ký của ông Y K, dưới chữ ký của bà H' M là chữ ký của bà H' M1. Quá trình giải quyết vụ án bà H' M thừa nhận khi đi đến nhà bà H vay tiền bà có nhờ bà H' M1 đi cùng, bà H' M1 có ký làm chứng việc bà vay tiền của bà H, chứ không ký vay tiền bà H. Toàn bộ số tiền 400.000.000 đồng bà vay của bà H và trực tiếp nhận tiền từ bà H, sau đó bà giao toàn bộ số tiền này cho bà L Byă, bà H' M1 không nhận khoản tiền nào từ bà H và bà H' M, không liên quan gì đến số tiền bà vay bà H. Do đó, bà chịu trách nhiệm trả nợ cho bà H toàn bộ số nợ trên.

Bà H' M1 xác định bà H' M có nhờ bà H' M1 cùng đi đến nhà bà H, bà có chứng kiến và ký làm chứng việc bà H' M vay tiền của bà H, bà không ký vay tiền cũng không nhận khoản tiền nào từ bà H. Do đó, bà không có nghĩa vụ cùng bà H' M trả nợ cho bà H.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà H cho rằng quá trình giải quyết vụ án bà L Byă còn xuất trình bản phô tô giấy xác nhận công nợ đề ngày 30/4/2019 ghi nội dung, tổng số tiền tôi nhận nợ của chị H là 360.000.000 đồng. Số tiền trên tôi nhận nợ của H' M1 Niê và H' M Byă 360.000.000 đồng đã ký vay với chị H, để xác nhận số tiền trên bà H' M1 và bà H' M cùng đứng vay hộ bà L Byă. Nhận thấy, giấy xác nhận có nội dung trên là ý chí của người viết, không thể hiện ý chỉ của bà H' M1 và bà H' M, giấy xác nhận là bản phô tô, nên không có giá trị pháp lý. Ngoài ra, đại diện ủy quyền của nguyên đơn cho rằng tại bản tự khai của bà H' M và bà L Byă, đều khai nhận bà H' M1 cùng bà H' M vay của bà H số tiền 400.000.000 đồng, mục đích để vay hộ bà L Byă nhưng chưa được cấp sơ thẩm đối chất làm rõ, thì thấy: Tại đơn trình bày của bà L Byă (bút lục 56), tại biên bản đối chất (bút lục 70, 71) bà L Byă trình bày: Bà có nhờ bà H' M vay tiền bà H số tiền 400.000.000 đồng, bà H' M nhận số tiền 400.000.000 đồng từ bà H và đưa lại cho bà, nên bà chịu trách nhiệm trả cho bà H số nợ trên, bà H' M1 không vay tiền bà H và không liên quan gì. Tại đơn trình bày của bà H' M (bút lục 30), tại biên bản đối chất (bút lục 75), bà H' M khai: Bà vay giùm bà L Byă số tiền 400.000.000 đồng của bà Võ Thị Hồng H, không liên quan đến bà H' M1 Niê. Mẫu giấy vay tiền là do bà H soạn sẵn đưa cho bà. Bà H' M1 Niê ký giấy vay với tư cách là người làm chứng, vì vậy không có thông tin của bà H' M1 ở mục người vay. Sau khi xác lập hợp đồng vay bà H đưa đủ cho bà H' M 400.000.000 đồng và bà H' M đã đưa lại cho bà L Byă số tiền trên. Do đó, trình bày của đại diện ủy quyền của nguyên đơn là không có căn cứ.

Nhận thấy, ngoài giấy vay tiền giữa bà H và bà H' M và lời trình bày trên của nguyên đơn, thì bà H không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào khác để xác định bà

H' M1 và bà H' M cùng vay bà H số tiền 400.000.000 đồng. Vì vậy, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bà H'M1 Niê phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà H'M Byă trả cho bà H số nợ 250.000.000 đồng, mà buộc bà H' M có trách nhiệm trả nợ cho bà H số nợ trên và lãi suất là có căn cứ. Do đó kháng cáo của nguyên đơn không có căn cứ để chấp nhận.

[2.2]. Về nội dung khác: Theo tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, mặt sau của giấy vay tiền có thể hiện nội dung bà H' M có thanh toán tiền lãi cho bà H, có chữ ký của bà H' M, nhưng không ghi số lượng cụ thể và đã được gạch chéo. Tại cấp phúc thẩm đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày, trong số tiền ghi trên có 20.000.000 đồng là khoản tiền bà H' M thanh toán cho bà H vào số nợ gốc, còn phần còn lại là nợ lãi nhưng trả lãi cho khoản vay khác, không rõ số lượng cụ thể, nguyên đơn cũng không có căn cứ chứng minh số tiền do bà H' M ghi trả lãi là trả cho khoản nào. Toà án đã triệu tập bà H'M đến Tòa án để làm rõ các nội dung trên. Song, bà H M không có mặt nên không có căn cứ xem xét. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H' M không có ý kiến gì về các khoản tiền trên, sau khi xét xét sơ thẩm bà H' M không kháng cáo bản án, nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét những nội dung liên quan đến kháng cáo của người kháng cáo trong phạm vi xét xử phúc thẩm.

Xét quan điểm của người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

Xét quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ để chấp nhận.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án theo hướng tuyên buộc bị đơn phải trả giấy tờ tín chấp cho bà H' M, thì thấy: Sau khi xét xử sơ thẩm, bà H' M không kháng cáo bản án. Do đó, không thuộc phạm vi xét xử của Hội đồng xét xử. Do đó, đề nghị sửa bản án của Kiểm sát viên theo hướng nêu trên là không có căn cứ để chấp nhận. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về việc không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ cần chấp nhận.

Từ phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử nhận thấy không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị Hồng H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DSST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện M'Đrăk.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Võ Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm do bà Võ Thị Hồng H đã nộp theo biên lai số AA/2021/0005050 ngày 22/4/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Võ Thị Hồng H; giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2021/DSST ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện M'Đrắk.

[2]. Tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147; Điều 220; Điều 203; Điều 217; điểm đ khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288; Điều 357; khoản 1 Điều 370; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Hồng H. Buộc bị đơn bà H'M Byă phải trả cho bà Võ Thị Hồng H tổng số tiền 270.547.000 đồng (Hai trăm bảy mươi triệu, năm trăm bốn mươi bảy nghìn đồng). Trong đó vay gốc: 250.000.000 đồng và tiền lãi 20.547.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

[2.2] Bác yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Hồng H đối với yêu cầu bà H'M1 Niê phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho bà Võ Thị Hồng H số tiền 250.000.000 đồng.

[3]. Về án phí:

[3.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn bà H'M Byă được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại bà Võ Thị Hồng H 8.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện R, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2019/0014467 ngày 15/10/2020.

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Võ Thị Hồng H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà Võ Thị Hồng H đã nộp theo biên lai số AA/2021/0005050 ngày 22/4/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện R.

[4]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk (02);
- TAND huyện M’Đrăk;
- Chi cục THADS huyện R;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Phụng